TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 10 – 2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu.
2. Ông Trần Bình Trọng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1960 (Có mặt).
Địa chỉ: K, TT A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: K, TT A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2023, bản tự khai ngày 28 tháng 4 năm 2023 và ngày 10 tháng 7 năm 2023, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Bùi Văn M trình bày:

Do cùng kinh doanh trên địa bàn TT A, quen biết nhau nên ông có cho bà Nguyễn Thị H vay tiền 02 lần. Ngày 15/01/2020, ông cho bà H vay số tiền 220.000.000đ, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi xuất 1,5%/tháng. Ngày 30/3/2020, ông tiếp tục cho bà H vay số tiền là 30.000.000đ, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 20 ngày, lãi xuất 1,5%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H mới trả được tiền lãi hết năm 2021. Bà H chưa trả nợ gốc của cả hai khoản vay

và tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến nay. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông số tiền gốc của hai lần vay là 250.000.000đ, tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà vay tiền của ông Bùi Văn M hai lần, có viết giấy cho ông Minh hai lần như sau: Ngày 15/01/2020, vay 220.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, lãi xuất 1,5%/tháng; ngày 30/3/2020, vay 30.000.000đ, thời hạn vay 20 ngày, gia hạn thêm 02 tháng, lãi xuất là 1,5%/tháng. Mục đích vay làm ăn cá nhân. Sau khi vay, bà đã trả tiền lãi cho cả hai khoản vay đến hết năm 2022 là 100.000.000đ. Bà không nhớ chính xác vì mỗi lần trả chỉ đưa tiền cho ông Minh, hai bên không ghi giấy tờ. Còn tiền gốc 250.000.000đ, bà chưa trả được. Nay ông Minh khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng vì điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần tiền gốc mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền gốc 250.000.000đ. Và bà xin được miễn toàn bộ tiền lãi còn lại tính từ tháng 01/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bà thừa nhận còn nợ ông Minh số tiền gốc là 250.000.000đ. Việc ông Minh trình bày bà mới trả hết tiền lãi năm 2021 là không đúng, thực tế bà đã trả tiền lãi hết năm 2022. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến Tòa án làm việc nhưng bà H không đến nên không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đối chất giữa các bên được.

Tại phiên tòa: Ông Bùi Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc của hai lần vay là 250.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/10/2023 tính làm tròn là 82.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H phải cho ông Bùi Văn M số tiền nợ gốc của

hai lần vay là 250.000.000đ, tiền lãi theo quy định đến ngày xét xử và tiền lãi cho đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào năm 2020, bà Nguyễn Thị H có vay của ông Bùi Văn M hai lần với số tiền là 250.000.000đ, hiện nay không trả được. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại K, TT A, huyện Yên Định. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiện khởi kiện: Việc khởi kiện của nguyên đơn đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc: Ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị H đều thừa nhận: Vào ngày 15/01/2020, bà H vay của ông Minh số tiền 220.000.000đ và ngày 30/3/2020, bà H tiếp tục vay ông Minh số tiền 30.000.000đ. Khi vay, hai bên đều lập giấy vay tiền và có thỏa thuận về thời gian vay, lãi xuất vay. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thỏa thuận trong giấy vay tiền, bà H không trả được tiền cho ông Minh, ông Minh đã đòi nhiều lần nhưng vì điều kiện kinh tế làm ăn gặp khó khăn nên bà H chưa trả được cho ông Minh đồng nào tiền gốc. Đây là những nội dung vay nợ được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ông Bùi Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc của cả hai lần vay là 250.000.000đ. Bà H chấp nhận trả nợ gốc cho ông Minh nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi thanh toán hết tiền nợ gốc. Ông Minh không đồng ý cho bà H trả nợ dần. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ gốc được hai bên thống nhất, ông Minh không đồng ý cho bà H trả

nợ dần nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Minh số tiền nợ gốc là 250.000.000đ.

2.2. Về tiền lãi: Khi vay tiền, ông Minh và bà H có thỏa thuận lãi xuất là 1,5%/tháng. Qúa trình giải quyết vụ án, ông Minh trình bày bà H đã trả tiền lãi cho cả hai lần vay hết năm 2021. Bà H trình bày, bà đã trả tiền lãi cho ông Minh của cả hai lần vay hết năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy, việc trả lãi của bà H không có giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận bà H đã trả lãi cho ông Minh tiền lãi hết năm 2022. Về mức lãi xuất, hai bên thống nhất thỏa thuận 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, việc ông Minh yêu cầu bà H phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 27/10/2023 với mức lãi xuất là 1,5%/tháng là có cơ sở chấp nhận. Buộc bà H phải trả cho ông Minh tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/10/2023 là:

250.000.000đ x 1,5%/tháng x 21 tháng 27 ngày = 82.125.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Minh tính làm tròn yêu cầu bà H trả tiền lãi là 82.000.000đ.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà H phải trả cho ông Minh tính đến ngày 27/10/2023 là 332.000.000đ.

2.3. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 332.000.000đ x 5% = 16.600.000đ.

Ông Minh là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Bùi Văn M số tiền gốc của hai lần vay là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 82.000.000đ (*Tám mươi hai triệu*). Tổng cộng cả gốc và lãi là 332.000.000đ (*Ba trăm ba mươi hai triệu*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 1,5%/tháng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.600.000đ (*Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. *Về quyền kháng cáo*: Ông Bùi Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa